

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày: 25- 7- 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thư
2. Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLST- DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng)

Địa chỉ: Số 266-268 N, Phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Vân T, chức vụ Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP S chi nhánh Hải Phòng (*Văn bản ủy quyền số 45/2018/GUQ-CNHP ngày 02 tháng 01 năm 2018*); vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Minh Đ; cư trú tại: Thôn L, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt không có lý do.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị X; cư trú tại: Thôn L, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có yêu cầu xét xử vắng

mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do bà Nguyễn Thị Vân T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 26 tháng 12 năm 2014 anh Vũ Minh Đ ký Hợp đồng tín dụng số LD1436000003 với Ngân hàng TMCP S vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 48 tháng; Lãi suất vay: 9%/năm, mục đích vay: Tiêu dùng sửa nhà; Phương thức cho vay: Trả góp gốc lãi hàng tháng. Bảo đảm tiền vay: Cho vay không có tài sản bảo đảm. Sau khi ký kết đầy đủ hợp đồng Ngân hàng TMCP S đã giải ngân cho ông Vũ Minh Đ số tiền là 50.000.000đ theo giấy nhận nợ số 01 ngày 26 tháng 12 năm 2014.

Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân anh Vũ Minh Đ chỉ trả được số tiền là 45.362.729 đồng (trong đó: tiền gốc là: 33.312.000 đồng, tiền lãi: 12.050.729 đồng). Tính đến ngày 09 tháng 4 năm 2018 anh Vũ Minh Đ còn nợ Ngân hàng TMCP S tổng cộng số tiền là 19.663.758 đồng (*Bằng chữ: Mười chín triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng*), trong đó: Nợ gốc: 16.688.000 đồng; Nợ lãi: 2.975.758 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc anh Vũ Minh Đ phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày 09 tháng 04 năm 2018 là: 19.663.758 đồng (*Bằng chữ: Mười chín triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng*), trong đó: Nợ gốc : 16.688.000 đồng; Nợ lãi: 2.975.758 đồng.

2. Anh Vũ Minh Đ phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng số tiền lãi và lãi phạt phát sinh từ ngày 10/04/2018 cho tới khi thực hiện trả hết toàn bộ nợ vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Về phía bị đơn anh Vũ Minh Đ:

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập anh Vũ Minh Đ tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng anh Vũ Minh Đ vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến nên không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 7 năm 2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị X trình bày:

Chị kết hôn với anh Vũ Minh Đ vào năm 1997. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2014 chị và anh Vũ Minh Đ đã sống ly thân với nhau và chị đã làm đơn xin ly hôn với anh Đ, sau đó chị rút đơn xin ly hôn. Tuy nhiên vợ chồng chị vẫn ly thân nhau mỗi người sống một nơi. Anh Đ vẫn không khắc phục được khuyết điểm của bản thân nên dẫn đến đầu năm 2015 chị lại làm đơn ly hôn và Tòa án đã giải quyết cho chị và anh Vũ Minh Đ được ly hôn ngày 13 tháng 5 năm 2015.

Khi Tòa án giải quyết cho chị và anh Vũ Minh Đ ly hôn, anh Đ không khai số nợ Ngân hàng, hơn nữa việc anh Đ vay số tiền trên của Ngân hàng chị cũng không biết mục đích anh Đ vay số tiền đó về để làm gì. Trong Hợp đồng tín dụng anh Đ trình bày mục đích vay về để sửa chữa nhà là không đúng vì vợ chồng chị xây nhà 1,5 tầng từ năm 2006 cho đến nay không sửa chữa gì. Khi ly hôn về phần tài sản vợ chồng chị tự giải quyết với nhau nhưng thực tế từ đó đến nay anh Vũ Minh Đ vẫn quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng. Do vậy Ngân hàng TMCP S khởi kiện anh Vũ Minh Đ về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, chị không có liên quan gì đến số nợ trên nên chị không có trách nhiệm trả số nợ trên.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Xét xử tập thể, công khai, trình tự thủ tục tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, không tham gia tố tụng trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của đương sự, các chứng cứ do đương sự cung cấp đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 305, Điều 471, Khoản 1 Điều 474, Khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Vũ Minh Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến hết ngày 09 tháng 04 năm 2018 là: 19.663.758 đồng (Bằng chữ: Mười chín triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc : 16.688.000 đồng; Nợ lãi: 2.975.758 đồng. Anh Vũ Minh Đ phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng số tiền lãi và lãi phạt phát sinh từ ngày 10 tháng 4 năm 2018 cho tới khi thực hiện trả hết toàn bộ nợ vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Về án phí: Buộc anh Vũ Minh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận, trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện An Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với anh Vũ Minh Đ, cư trú tại thôn L, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị X: Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn và chị Nguyễn Thị X có quan điểm xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị X.

- Bị đơn là anh Vũ Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Vũ Minh Đ là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đòi anh Vũ Minh Đ trả số tiền nợ gốc là 16.688.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, xét thấy có đủ cơ sở xác định: Ngày 26 tháng 12 năm 2014 anh Vũ Minh Đ ký Hợp đồng tín dụng số LD1436000003 với Ngân hàng TMCP S vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 48 tháng; Lãi suất vay: 9%/năm, mục đích vay: Tiêu dùng sửa nhà; Phương thức cho vay: Trả góp gốc lãi hàng tháng. Bảo đảm tiền vay: Cho vay không có tài sản bảo đảm. Việc thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và anh Vũ Minh Đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó Hợp đồng tín dụng số D1436000003 ngày 26 tháng 12 năm 2014 có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ký kết đầy đủ hợp đồng Ngân hàng TMCP S đã giải ngân cho anh Vũ Minh Đ số tiền là 50.000.000đ theo giấy nhận nợ số 01 ngày 26 tháng 12 năm 2014. Mục đích vay là để sửa chữa nhà nhưng thực tế anh Đức sử dụng vào việc tiêu dùng cá nhân. Hơn nữa tại thời điểm anh Vũ Minh Đ ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, chị X và anh Đ đã sống ly thân với nhau và đã ly hôn vào năm 2015. Trong quá trình vay, anh Vũ Minh Đ đã trả cho Ngân hàng được tổng số tiền là 45.362.729 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 33.312.000 đồng, tiền nợ lãi là 12.050.729 đồng. Tuy nhiên kể từ kỳ trả nợ tháng 10 năm 2017, anh Vũ Minh Đ không trả nợ gốc và nợ lãi theo đúng Hợp đồng tín dụng đã ký. Tính đến hết ngày 09 tháng 4 năm 2018, anh Vũ Minh Đ còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 19.663.758 đồng (Bằng chữ: Mười chín triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc : 16.688.000 đồng; Nợ lãi: 2.975.758 đồng. Như vậy anh Vũ Minh Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng TMCP S buộc anh Vũ Minh Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 16.688.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đòi anh Vũ Minh Đ trả số tiền nợ lãi tạm tính đến hết ngày 09 tháng 4 năm 2018 là 2.975.758 đồng và tiền lãi phát sinh từ kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2018 cho tới khi thanh toán xong khoản nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xác nhận tính đến hết ngày 09 tháng 4 năm 2018, anh Vũ Minh Đ còn nợ Ngân hàng số tiền nợ lãi: là 2.975.758 đồng. Cách tính tiền lãi của Ngân hàng phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng tín dụng. Do đó yêu cầu của Ngân hàng TMCP S đòi anh Vũ Minh Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi tạm tính đến hết ngày 09 tháng 4 năm 2018 là 2.975.758 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2018 cho tới khi anh Vũ Minh Đ thanh toán xong khoản nợ gốc là có cơ sở chấp nhận

[3] Về án phí: Anh Vũ Minh Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 227, Điều 228, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 305, Điều 471, khoản 1 Điều 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc anh Vũ Minh Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm tính đến hết ngày 09 tháng 4 năm 2018 là 19.663.758 đồng (Bằng chữ: Mười chín triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc : 16.688.000 đồng; Nợ lãi: 2.975.758 đồng.

Anh Vũ Minh Đ phải tiếp tục chịu tiền lãi trên nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số D1436000003 ngày 26 tháng 12 năm 2014 kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2018 cho tới khi anh Vũ Minh Đ thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Buộc anh Vũ Minh Đ phải chịu 983.187 đồng (Chín trăm tám mươi ba nghìn một trăm tám mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 492.000đ (Bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự Ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (Biên lai thu tiền số 0004028 ngày 02 tháng 01 năm 2019).

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Tươi